

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN
“ÁP DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC
NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH
LỚP CÔNG NGHỆ Ô TÔ 24 TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN”

Lĩnh vực sáng kiến: Dạy học Tiếng Anh

Tác giả: Chu Thị Thuyên

Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Tiếng Anh

Chức vụ: Giảng viên

Nơi công tác: Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Điện thoại liên hệ: 0827693866

Địa chỉ thư điện tử: chuthuyenls@gmail.com

Đề nghị công nhận sáng kiến cấp: Cơ sở (LĐTT)

Lạng Sơn, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến cấp Trường, Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

Tôi ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp
1	Chu Thị Thuyên	07/10/1977	Trường Cao đẳng Lạng Sơn	Giảng viên	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	100%

- Là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến: “Áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp Công nghệ ô tô 24 tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn”.
- Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Cao đẳng Lạng Sơn.
- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Dạy học môn Tiếng Anh trong đào tạo trình độ trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử: từ học kỳ I năm học 2025 - 2026.
- Mô tả bản chất của sáng kiến: Sáng kiến xây dựng và vận dụng có hệ thống một số kỹ thuật dạy học tích cực theo chuỗi hoạt động, phù hợp với đặc điểm học sinh trung cấp nghề có trình độ đầu vào không đồng đều, còn hạn chế về vốn từ, tâm lý ngại giao tiếp và thói quen học thụ động. Các kỹ thuật trọng tâm gồm Think - Pair - Share, role-play, group work, trò chơi ngôn ngữ, học liệu trực quan, phản hồi nhanh và đánh giá theo quá trình. Điểm nhấn của sáng kiến không phải ở việc sử dụng đơn lẻ từng kỹ thuật mà ở cách lựa chọn, điều chỉnh và phối hợp chúng theo mục tiêu từng giai đoạn của bài học để tăng mức độ tham gia, sự tự tin và kết quả học tập của học sinh.
- Những thông tin cần được bảo mật: Không.
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Có chương trình, giáo trình, kế hoạch dạy học môn Tiếng Anh trình độ trung cấp được phê duyệt; có phòng học và thiết bị tối thiểu như bảng, máy chiếu, loa, tranh ảnh, phiếu học tập; giáo viên có năng lực chuyên môn và tinh thần đổi mới; tổ chuyên môn và nhà trường tạo điều kiện dự giờ, góp ý, kiểm tra, đánh giá.
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả: Sáng kiến góp phần nâng cao chất lượng giờ học, tăng mức độ hứng thú, tăng sự mạnh dạn khi giao tiếp bằng Tiếng Anh, cải thiện kết quả kiểm tra định kỳ và giảm tình trạng học đối phó. Sáng kiến không đòi hỏi kinh

phí lớn, tận dụng thiết bị hiện có của nhà trường nhưng mang lại lợi ích xã hội thiết thực đối với người học và chất lượng đào tạo.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử: Ngoài tác giả, không có tổ chức, cá nhân nào tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 4 năm 2026

Người nộp đơn



Chu Thị Thuyên

MỤC LỤC

I. MỞ ĐẦU.....	4
1. Lí do chọn sáng kiến.....	4
2. Mục tiêu của sáng kiến	5
3. Phạm vi của sáng kiến	5
II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	7
1. Cơ sở lý luận.....	7
1.1. <i>Dạy học ngoại ngữ theo hướng tích cực</i>	7
1.2. <i>Một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học ngoại ngữ.....</i>	8
2. Cơ sở thực tiễn.....	10
2.1. <i>Chương trình Tiếng Anh trong hệ trung cấp nghề</i>	10
2.2. <i>Thực trạng dạy học môn tiếng Anh tại lớp CNOT 24</i>	11
2.3. <i>Thuận lợi và khó khăn trong dạy học môn TA tại lớp CNOT 24.....</i>	13
2.4. <i>Kết luận</i>	13
III. NỘI DUNG SÁNG KIẾN	14
1. Các nguyên tắc lựa chọn các kỹ thuật phù hợp	14
2. Các nguyên tắc áp dụng kỹ thuật dạy học	15
2.1. <i>Phân loại đối tượng học sinh và thiết kế nhiệm vụ theo hướng vừa sức, có phân hóa</i>	15
2.2. <i>Tổ chức giờ học theo chuỗi kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp từng giai đoạn của bài</i>	15
2.3. <i>Gắn nội dung dạy học với tình huống giao tiếp gần gũi và bối cảnh nghề nghiệp.....</i>	16
2.4. <i>Tăng cường sử dụng học liệu trực quan, trò chơi và công nghệ đơn giản để hỗ trợ hoạt động học tập</i>	16
2.5. <i>Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng quá trình và sự tiến bộ của học sinh</i> ..	17
3. Áp dụng các kỹ thuật vào giảng dạy.....	17
3.1. <i>Mục đích</i>	17
3.2. <i>Đối tượng áp dụng.....</i>	18
3.3. <i>Phương thức áp dụng</i>	18
3.4. <i>Tiêu chí và phương thức đánh giá.....</i>	18
3.5 <i>Áp dụng các kỹ thuật vào một bài cụ thể.....</i>	19
4. Đánh giá kết quả áp dụng	21
5. Đánh giá kết quả thu được	22
5.1. <i>Tính mới, tính sáng tạo.....</i>	22
5.2. <i>Khả năng áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến</i>	23
IV. KẾT LUẬN	27

TÓM TẮT SÁNG KIẾN

Sáng kiến “Áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp Công nghệ ô tô 24 (CNOT 24) tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn” được thực hiện trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp đang đổi mới theo định hướng phát triển năng lực người học, tăng cường thực hành và phát huy tính tích cực trong học tập. Đối tượng áp dụng là học sinh lớp CNOT 24 hệ trung cấp – nhóm học sinh có trình độ đầu vào không đồng đều, vốn từ vựng và khả năng giao tiếp Tiếng Anh còn hạn chế, tâm lý e ngại khi tham gia hoạt động học tập và mức độ hứng thú đối với môn học chưa cao.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về dạy học ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp, dạy học tích cực và đặc điểm người học trong giáo dục nghề nghiệp, kết hợp với khảo sát thực trạng tại lớp CNOT 24, sáng kiến tập trung vận dụng bốn kỹ thuật dạy học tích cực gồm Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy môn Tiếng Anh. Các kỹ thuật được lựa chọn và phối hợp linh hoạt theo mục tiêu từng bài học, đồng thời gắn với các chủ đề giao tiếp gần gũi nhằm tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ, nâng cao mức độ tham gia và tạo hứng thú học tập cho học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên chú trọng phân hóa nhiệm vụ học tập phù hợp với năng lực học sinh, sử dụng học liệu trực quan và thực hiện đánh giá theo quá trình để hỗ trợ người học trong quá trình tham gia hoạt động.

Kết quả theo dõi trước và sau khi áp dụng sáng kiến cho thấy chất lượng dạy học môn Tiếng Anh tại lớp CNOT 24 có sự chuyển biến rõ rệt. Số học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài tăng từ 6 học sinh ở Bài 1 lên 23 học sinh ở Bài 7; số học sinh tham gia hoạt động cặp/nhóm tăng từ 9 lên 27 học sinh; số học sinh chủ động sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động tăng từ 5 lên 22 học sinh; số học sinh tự tin trình bày trước lớp tăng từ 3 lên 19 học sinh. Đồng thời, số học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng yêu cầu tăng từ 10 lên 29 học sinh và số học sinh phản hồi hứng thú với giờ học tăng từ 8 lên 28 học sinh. Những kết quả này cho thấy việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực đã góp phần nâng cao sự tự tin, khả năng giao tiếp, mức độ tham gia học tập và hiệu quả học tập môn Tiếng Anh của học sinh.

Tính mới của sáng kiến thể hiện ở việc xây dựng và vận dụng có hệ thống các kỹ thuật Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm của học sinh trung cấp nghề và điều kiện thực tế tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn. Sáng kiến không sử dụng các kỹ thuật một cách riêng lẻ mà tổ chức thành chuỗi hoạt động học tập nhằm tăng tính tương tác và cơ hội thực hành giao tiếp cho học sinh. Các giải pháp được triển khai đơn giản, dễ áp dụng, không đòi hỏi kinh phí lớn và có khả năng nhân rộng trong dạy học môn Tiếng Anh ở các lớp trung cấp có đặc điểm tương đồng.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1	CNOT 24	Công nghệ ô tô 24
2	GV	Giáo viên
3	HS	Học sinh
4	HSSV	Học sinh, sinh viên
5	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CLT	Communicative Language Teaching (Dạy học ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp)
8	TPS	Think - Pair - Share
9	SL	Số lượng
10	%	Tỉ lệ phần trăm
11	TA	Tiếng Anh
12	KS	Khảo sát
13	KH	Kế hoạch

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 1: Kết quả khảo sát thực trạng học tập và giao tiếp bằng Tiếng Anh của lớp CNOT 24 12</i>	
<i>Bảng 2: Phân loại mức độ phù hợp của các kỹ thuật dạy học tích cực với mục tiêu từng dạng hoạt động.....</i>	<i>14</i>
<i>Bảng 3: Kết quả kiểm tra kiến thức trước và sau tác động của học sinh để chia mức.....</i>	<i>25</i>
<i>Bảng 4: Minh chứng so sánh hiệu quả của sáng kiến với cách dạy học thông thường.....</i>	<i>26</i>

I. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn sáng kiến

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng trở nên cấp thiết, Tiếng Anh giữ vai trò quan trọng như một công cụ hỗ trợ học tập, nghề nghiệp và giao tiếp trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Tiếng Anh không chỉ là môn học bắt buộc mà còn là phương tiện giúp tiếp cận tài liệu chuyên môn, công nghệ mới, môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài cũng như mở rộng cơ hội học tập suốt đời.

Hiện nay, đổi mới giáo dục được định hướng theo hướng chuyển từ dạy học truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Trong dạy học ngoại ngữ, định hướng này càng có ý nghĩa đặc biệt bởi bản chất của ngôn ngữ là công cụ giao tiếp; người học chỉ có thể hình thành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ khi được tham gia thường xuyên vào các hoạt động nghe, nói, đọc, viết trong những ngữ cảnh giao tiếp phù hợp.

Qua thực tiễn giảng dạy môn Tiếng Anh tại lớp CNOT 24, tôi nhận thấy nhiều học sinh còn gặp khó khăn trong quá trình học tập như: vốn từ vựng hạn chế, phản xạ ngôn ngữ chậm, phát âm chưa chính xác, thiếu tự tin khi giao tiếp, tâm lí e ngại sai và còn phụ thuộc nhiều vào giáo viên. Bên cạnh đó, một bộ phận học sinh chủ yếu học để đáp ứng yêu cầu kiểm tra, chưa có động cơ học tập rõ ràng và bền vững. Với đối tượng học sinh trung cấp nghề có trình độ đầu vào không đồng đều, phương pháp dạy học truyền thống thiên về giảng giải, ghi chép và luyện tập đơn lẻ khó tạo được sự hứng thú cũng như chuyển biến rõ rệt về năng lực sử dụng ngoại ngữ.

Bên cạnh đó, nếu giáo viên biết lựa chọn, điều chỉnh và phối hợp linh hoạt các kĩ thuật dạy học tích cực phù hợp với đặc điểm đối tượng, giờ học sẽ trở nên sinh động hơn, tạo điều kiện để học sinh tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập, tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ và từng bước hình thành sự tự tin trong giao tiếp. Tuy nhiên, hiệu quả của các kĩ thuật này phụ thuộc lớn vào việc giáo viên xác định đúng mục tiêu hoạt động, hiểu rõ đối tượng người học và thiết kế nhiệm vụ phù hợp với năng lực thực tế của học sinh. Đây cũng là một trong những hạn chế còn tồn tại trong dạy học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

Xuất phát từ những cơ sở lí luận và thực tiễn trên, tôi lựa chọn nghiên cứu và thực hiện sáng kiến: “Áp dụng một số kĩ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp CNOT 24 tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn”, với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng giờ học, phát triển năng lực giao tiếp cơ bản, tăng hứng thú học tập cho học sinh và tạo cơ sở thực tiễn cho việc áp dụng, nhân rộng trong điều kiện thực tế của nhà trường.

2. Mục tiêu của sáng kiến

- Nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp CNOT 24 thông qua việc áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp.
- Phát triển năng lực giao tiếp cơ bản, tăng sự tự tin và tính chủ động của học sinh trong học tập Tiếng Anh.
- Hình thành cho học sinh kỹ năng hợp tác, phản hồi và vận dụng kiến thức vào tình huống thực tiễn.
- Đề xuất quy trình áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực có tính khả thi và khả năng nhân rộng trong dạy học Tiếng Anh ở trình độ trung cấp.

3. Phạm vi của sáng kiến

3.1. Đối tượng áp dụng

Học sinh lớp CNOT 24 hệ trung cấp tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, gồm 29 học sinh.

3.2. Không gian áp dụng

Hoạt động dạy học môn Tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, chủ yếu trong các giờ học chính khóa và các hoạt động tự học có hướng dẫn.

3.3. Thời gian áp dụng

Sáng kiến được triển khai trong năm học 2025 – 2026.

3.4. Giới hạn nội dung

Sáng kiến tập trung vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Anh cơ bản từ bài 2 đến bài 7, gắn với các nội dung và tình huống giao tiếp đơn giản, gần gũi với học sinh trung cấp nghề nhằm tăng cường cơ hội thực hành ngôn ngữ, phát huy tính chủ động và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức của người học.

3.5 Các phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: đọc, phân tích và hệ thống hóa tài liệu về dạy học tích cực, dạy học ngoại ngữ theo hướng giao tiếp, đặc điểm người học trong GDNN và các văn bản pháp lý liên quan.
- Phương pháp điều tra, khảo sát: khảo sát thực trạng mức độ hứng thú, tự tin, tham gia học tập và kết quả kiểm tra của học sinh lớp CNOT 24 trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

- Phương pháp quan sát sư phạm: quan sát thái độ học tập, mức độ tham gia, tinh thần hợp tác, phản xạ ngôn ngữ và sự thay đổi của học sinh trong quá trình học.
- Phương pháp thực nghiệm sư phạm: áp dụng các giải pháp vào thực tế giảng dạy ở lớp CNOT 24 trong thời gian đủ để theo dõi sự chuyển biến.
- Phương pháp thống kê, so sánh số liệu: tổng hợp số lượng, tỉ lệ trước - sau tác động; so sánh và phân tích để rút ra nhận xét.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở lý luận

1.1. *Dạy học ngoại ngữ theo hướng tích cực*

Dạy học ngoại ngữ theo hướng tích cực là quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh trong quá trình học tập. Theo quan điểm này, người học không chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động mà được tham gia trực tiếp vào các hoạt động giao tiếp, hợp tác, thực hành và giải quyết nhiệm vụ học tập. Giáo viên giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ nhằm tạo môi trường học tập tích cực, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Trong dạy học ngoại ngữ hiện đại, năng lực giao tiếp được xem là mục tiêu trung tâm. Vì vậy, quá trình dạy học cần tạo điều kiện để học sinh được thực hành nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống có ý nghĩa, gần gũi với thực tiễn. Phương pháp dạy học giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) và dạy học theo nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching – TBLT) được xem là những định hướng tiêu biểu của dạy học tích cực trong môn ngoại ngữ. Các phương pháp này khuyến khích học sinh học thông qua trải nghiệm, tương tác và sử dụng ngôn ngữ để thực hiện nhiệm vụ giao tiếp cụ thể thay vì chỉ ghi nhớ kiến thức ngữ pháp một cách máy móc.

Theo Bygate (2015), việc tổ chức các hoạt động học tập mang tính tương tác giúp người học sử dụng ngoại ngữ trong bối cảnh gần với thực tế, từ đó nâng cao khả năng tiếp thu và vận dụng ngôn ngữ. Tác giả nhấn mạnh rằng người học sẽ phát triển năng lực giao tiếp hiệu quả hơn khi được tham gia thường xuyên vào các hoạt động sử dụng ngôn ngữ có mục đích.

Long (2016) cho rằng dạy học ngoại ngữ theo hướng tích cực cần chú trọng đến việc tạo cơ hội cho người học tương tác và thực hành ngôn ngữ trong môi trường giao tiếp thực tế. Theo tác giả, việc tổ chức các nhiệm vụ học tập phù hợp với trình độ và nhu cầu của người học có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học ngoại ngữ.

Nghiên cứu của East (2017) cũng khẳng định rằng các hoạt động học tập tích cực giúp người học phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ, năng lực hợp tác và sự tự tin trong giao tiếp. Việc học thông qua trải nghiệm và tương tác giúp học sinh chủ động hơn trong quá trình lĩnh hội kiến thức và sử dụng ngoại ngữ.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã khẳng định tính hiệu quả của dạy học ngoại ngữ theo hướng tích cực. Nguyễn Tri Minh và Đào Xuân Phương Trang (2021) cho rằng việc tăng cường các hoạt động giao tiếp, thảo luận nhóm và thực hành ngôn ngữ giúp cải thiện rõ rệt khả năng phản xạ và mức độ tự tin của người học khi sử dụng Tiếng Anh. Bên cạnh đó, Chi Đô Na (2017) nhấn mạnh rằng hiệu

quả của dạy học tích cực phụ thuộc nhiều vào việc giáo viên lựa chọn và tổ chức hoạt động phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của lớp học.

Từ những cơ sở lí luận trên có thể thấy, dạy học ngoại ngữ theo hướng tích cực phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, góp phần nâng cao hứng thú học tập, tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Đây cũng là cơ sở quan trọng để vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Tiếng Anh tại lớp CNOT 24, Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

1.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học ngoại ngữ

1.2.1. Kỹ thuật Think – Pair – Share

Think – Pair – Share là kĩ thuật dạy học tích cực do Frank Lyman (1981) đề xuất, gồm ba bước: suy nghĩ cá nhân (Think), trao đổi theo cặp (Pair) và chia sẻ trước lớp (Share). Kĩ thuật này nhằm tăng cường sự tham gia của người học, phát triển tư duy và nâng cao hiệu quả tương tác trong quá trình học tập.

Trong dạy học ngoại ngữ, Think – Pair – Share góp phần phát triển năng lực giao tiếp, tăng khả năng hợp tác và giảm tâm lí e ngại khi sử dụng Tiếng Anh. Việc trao đổi theo cặp trước khi trình bày giúp học sinh có thời gian hình thành ý tưởng, điều chỉnh câu trả lời và tự tin hơn khi giao tiếp trước tập thể.

Theo Kaddoura (2013), Think – Pair – Share giúp nâng cao khả năng tư duy, giao tiếp và hiệu quả hợp tác của người học. Alrayah (2018) cho rằng kĩ thuật này làm tăng hứng thú học tập, mức độ tham gia và khả năng diễn đạt bằng ngoại ngữ của học sinh. Tại Việt Nam, Nguyễn Thị Hồng Nam và Nguyễn Thị Thanh Huyền (2020) khẳng định rằng Think – Pair – Share giúp học sinh phát triển phản xạ ngôn ngữ, tăng tính chủ động và cải thiện hiệu quả hoạt động nhóm trong giờ học Tiếng Anh.

Đối với học sinh trung cấp nghề, kĩ thuật Think – Pair – Share phù hợp với đặc điểm người học còn hạn chế về vốn từ và thiếu tự tin khi giao tiếp. Việc tổ chức hoạt động theo từng bước giúp học sinh giảm áp lực, tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ và nâng cao hiệu quả học tập môn Tiếng Anh.

1.2.2. Kỹ thuật nhóm (Group work)

Group Work (hoạt động nhóm) là kĩ thuật dạy học tích cực trong đó học sinh cùng phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập thông qua trao đổi, thảo luận và hỗ trợ lẫn nhau. Trong dạy học ngoại ngữ, hoạt động nhóm tạo môi trường để người học tăng cường sử dụng ngôn ngữ, phát triển khả năng giao tiếp và nâng cao tính chủ động trong học tập.

Theo Long (2016), sự tương tác giữa người học có vai trò quan trọng trong quá trình tiếp thu ngoại ngữ, bởi thông qua hợp tác và giao tiếp, học sinh có cơ

hội sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh gần với thực tế. Bygate (2015) cũng cho rằng các hoạt động hợp tác giúp nâng cao khả năng vận dụng ngôn ngữ và tăng tính chủ động của người học.

Nghiên cứu gần đây của Abbasi và Anthony (2024) cho thấy hoạt động nhóm có tác động tích cực đến độ lưu loát trong giao tiếp Tiếng Anh, đồng thời giúp học sinh giảm tâm lý e ngại khi nói trước tập thể. Bên cạnh đó, Zheng và Zhou (2023) khẳng định rằng học tập hợp tác không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng ngoại ngữ mà còn tăng hứng thú và cảm xúc tích cực trong quá trình học tập.

Ngoài ra, Wang (2024) nhấn mạnh rằng hoạt động nhóm giúp tăng mức độ tham gia, khả năng hợp tác và sự gắn kết của người học trong các nhiệm vụ sử dụng ngoại ngữ. Tại Việt Nam, Nguyễn Tri Minh và Đào Xuân Phương Trang (2021) cũng cho rằng hoạt động nhóm góp phần cải thiện phản xạ giao tiếp, tăng cơ hội thực hành và phát triển sự tự tin cho học sinh trong giờ học Tiếng Anh.

Đối với học sinh trung cấp nghề, Group Work phù hợp với đặc điểm người học cần tăng cơ hội thực hành giao tiếp và rèn luyện kỹ năng hợp tác. Việc vận dụng kỹ thuật này góp phần tạo môi trường học tập tích cực, nâng cao hứng thú và hiệu quả học tập môn Tiếng Anh.

1.2.3. Kỹ thuật đóng vai (Role play)

Role Play (đóng vai) là kỹ thuật dạy học tích cực trong đó học sinh nhập vai vào các nhân vật hoặc tình huống giao tiếp giả định để thực hành sử dụng ngôn ngữ. Trong dạy học ngoại ngữ, kỹ thuật này giúp tạo môi trường giao tiếp gần với thực tế, tăng cơ hội thực hành nghe – nói và phát triển năng lực giao tiếp cho người học.

Theo Livingstone (1983), Role Play giúp người học sử dụng ngoại ngữ một cách tự nhiên thông qua các tình huống mô phỏng thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng phản xạ ngôn ngữ và sự tự tin trong giao tiếp. Long (2016) cũng cho rằng các hoạt động tương tác như đóng vai giúp người học phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ thông qua quá trình giao tiếp và hợp tác.

Nghiên cứu của Huang (2021) cho thấy Role Play có tác động tích cực đến khả năng nói và mức độ tham gia của học sinh trong lớp học Tiếng Anh. Kỹ thuật này giúp học sinh mạnh dạn hơn khi diễn đạt ý kiến và giảm tâm lý e ngại khi giao tiếp bằng ngoại ngữ. Bên cạnh đó, Ismail và Abdulla (2022) khẳng định rằng hoạt động đóng vai góp phần nâng cao hứng thú học tập, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng xử lý tình huống giao tiếp của người học.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cho thấy việc vận dụng Role Play trong dạy học Tiếng Anh giúp học sinh tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ, cải thiện phản xạ

giao tiếp và phát triển sự tự tin khi sử dụng Tiếng Anh trong các tình huống gần gũi với đời sống.

Đối với học sinh trung cấp nghề, Role Play phù hợp với định hướng phát triển năng lực thực hành và giao tiếp. Việc tổ chức các tình huống giao tiếp đơn giản, gần gũi với môi trường nghề nghiệp giúp học sinh chủ động tham gia hoạt động học tập và nâng cao hiệu quả sử dụng Tiếng Anh trong thực tiễn.

1.2.4. Kỹ thuật sử dụng trò chơi ngôn ngữ (Language Games)

Trò chơi ngôn ngữ là kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng các hoạt động mang tính thi đua, tương tác và giải quyết nhiệm vụ nhằm hỗ trợ người học thực hành ngôn ngữ trong môi trường học tập hứng thú và tự nhiên. Trong dạy học ngoại ngữ, trò chơi ngôn ngữ giúp tăng mức độ tham gia của học sinh, tạo động cơ học tập và nâng cao hiệu quả ghi nhớ kiến thức.

Theo Bygate (2015), các hoạt động học tập mang tính tương tác giúp người học có nhiều cơ hội sử dụng ngoại ngữ trong ngữ cảnh cụ thể, từ đó nâng cao khả năng tiếp thu và vận dụng ngôn ngữ. Long (2016) cũng cho rằng việc tổ chức các hoạt động giao tiếp đa dạng, trong đó có trò chơi ngôn ngữ, góp phần tăng cường tương tác và phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ cho học sinh.

Bên cạnh đó, East (2017) khẳng định rằng các hoạt động học tập mang tính trải nghiệm và hợp tác giúp người học chủ động hơn trong quá trình lĩnh hội kiến thức, đồng thời nâng cao sự tự tin khi giao tiếp bằng ngoại ngữ. Tại Việt Nam, Nguyễn Tri Minh và Đào Xuân Phương Trang (2021) cho rằng việc lồng ghép trò chơi ngôn ngữ trong giờ học Tiếng Anh giúp cải thiện hứng thú học tập, tăng phản xạ giao tiếp và tạo môi trường thực hành ngôn ngữ tích cực cho học sinh.

Đối với học sinh trung cấp nghề, trò chơi ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm tâm lý và trình độ của người học, giúp giảm áp lực học tập, tăng sự tập trung và khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động sử dụng Tiếng Anh. Việc vận dụng kỹ thuật này góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chương trình Tiếng Anh trong hệ trung cấp nghề

Theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, chương trình đào tạo trình độ trung cấp được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức và tăng cường thực hành trong quá trình đào tạo.

Đối với môn Tiếng Anh, chương trình giảng dạy trong giáo dục nghề nghiệp hướng tới phát triển năng lực giao tiếp cơ bản, giúp học sinh có khả năng sử dụng

ngoại ngữ trong học tập, công việc và các tình huống giao tiếp thông thường. Đồng thời, việc tổ chức dạy học được khuyến khích theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và tăng cường sự tham gia của người học thông qua các hoạt động thực hành, tương tác và hợp tác.

Bên cạnh đó, Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTĐBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cũng nhấn mạnh yêu cầu giáo viên cần vận dụng phương pháp dạy học phù hợp, ứng dụng các hình thức tổ chức dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và phát triển năng lực người học.

Tuy nhiên, thực tế giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho thấy nhiều học sinh trung cấp còn hạn chế về vốn từ, phản xạ giao tiếp và sự tự tin khi sử dụng Tiếng Anh. Trình độ đầu vào không đồng đều cùng tâm lý ngại giao tiếp khiến hiệu quả học tập chưa cao nếu chỉ áp dụng phương pháp dạy học truyền thống. Vì vậy, việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ là cần thiết nhằm tăng hứng thú học tập, tạo môi trường thực hành giao tiếp và nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh trong giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Thực trạng dạy học môn tiếng Anh tại lớp CNOT 24

Qua thực tế giảng dạy môn Tiếng Anh đối với học sinh trung cấp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho thấy, việc đổi mới phương pháp dạy học đã được giáo viên quan tâm triển khai thông qua nhiều hình thức như tổ chức trò chơi học tập, hoạt động nhóm, hỏi – đáp, đóng vai và sử dụng học liệu trực quan nhằm tăng hứng thú cho người học. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được chưa thật sự đồng đều và bền vững. Ở một số giờ học, các kỹ thuật dạy học tích cực còn được vận dụng mang tính riêng lẻ, chưa gắn chặt với mục tiêu bài học và đặc điểm đối tượng học sinh; nhiệm vụ học tập đôi khi còn thiếu tính phân hóa hoặc chưa phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ học sinh yếu, học sinh thiếu tự tin trong quá trình tham gia hoạt động học tập chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Ngoài ra, hoạt động kiểm tra, đánh giá trong dạy học Tiếng Anh vẫn chủ yếu tập trung vào kết quả bài kiểm tra viết, chưa chú trọng đầy đủ đến quá trình tham gia, mức độ tiến bộ và năng lực giao tiếp thực tế của học sinh. Điều này làm cho nhiều học sinh còn tâm lý học thụ động, thiếu động lực tham gia vào các hoạt động thực hành ngôn ngữ, đặc biệt là các hoạt động nghe, nói và giao tiếp trước lớp.

Kết quả khảo sát đầu năm học đối với 29 học sinh lớp CNOT 24 cho thấy phần lớn học sinh còn hạn chế về vốn từ vựng, phản xạ ngôn ngữ và sự tự tin khi sử dụng Tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp đơn giản. Tỷ lệ học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài và chủ động trao đổi trong giờ học còn thấp; số học sinh mạnh dạn trình bày hoặc thực hành giao tiếp trước lớp chưa nhiều; mức độ hứng

thú đối với môn học còn hạn chế. Kết quả kiểm tra cũng cho thấy tỉ lệ học sinh đạt điểm từ trung bình trở lên chưa cao, trong khi số học sinh yếu về từ vựng, ngữ pháp và kĩ năng giao tiếp vẫn chiếm tỉ lệ đáng kể.

Thực trạng trên cho thấy những khó khăn trong dạy học môn Tiếng Anh ở trình độ trung cấp nghề không chỉ xuất phát từ chất lượng đầu vào của học sinh mà còn liên quan đến việc tổ chức hoạt động học tập, mức độ phù hợp của nhiệm vụ học tập và khả năng tạo môi trường thực hành giao tiếp cho người học. Đây cũng là cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu và vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh tại lớp CNOT 24, Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

Bảng 1: Kết quả khảo sát thực trạng học tập và giao tiếp bằng Tiếng Anh của lớp CNOT 24

TT	Nội dung khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tham gia phát biểu thường xuyên	06	20,69%
2	Tự tin khi thực hiện hỏi-đáp trước lớp	06	20,69%
3	Thể hiện hứng thú rõ với môn học	06	20,69%
4	Chủ động hợp tác khi làm việc nhóm	02	6,90%
5	Học sinh đạt điểm từ 5 trở lên trong kiểm tra gần nhất	19	51,72%

Kết quả khảo sát tại Bảng 1 cho thấy các chỉ số nền của lớp CNOT 24 còn ở mức thấp, đặc biệt ở những tiêu chí phản ánh mức độ tham gia, sự tự tin, hứng thú học tập và khả năng hợp tác của học sinh. Tỉ lệ học sinh thường xuyên phát biểu xây dựng bài và tự tin thực hiện hỏi – đáp trước lớp đều chỉ đạt 20,69%; số học sinh thể hiện hứng thú rõ rệt đối với môn học cũng ở mức tương tự. Đáng chú ý, tỉ lệ học sinh chủ động hợp tác trong hoạt động nhóm chỉ đạt 6,90%, cho thấy kĩ năng tương tác và tham gia học tập của nhiều học sinh còn hạn chế.

Bên cạnh đó, mặc dù có 51,72% học sinh đạt điểm từ 5 trở lên trong bài kiểm tra gần nhất, kết quả này vẫn phản ánh chất lượng học tập môn Tiếng Anh chưa thật sự ổn định và còn khoảng cách khá lớn giữa các nhóm đối tượng học sinh. Thực trạng trên cho thấy học sinh không chỉ hạn chế về kiến thức và kĩ năng sử dụng Tiếng Anh mà còn thiếu sự tự tin, tính chủ động và động cơ tham gia vào các hoạt động học tập.

Những số liệu khảo sát này là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất và triển khai các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực nhằm nâng cao chất lượng học tập, tăng mức độ tham gia, phát triển năng lực giao tiếp và tạo hứng thú học tập cho học sinh trong môn Tiếng Anh.

2.3. Thuận lợi và khó khăn trong dạy học môn TA tại lớp CNOT 24

2.3.1. Thuận lợi

Trường Cao đẳng Lạng Sơn có chủ trương khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng học liệu số trong giảng dạy. Giáo viên trực tiếp giảng dạy có trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tế, có tinh thần trách nhiệm và sẵn sàng đổi mới hình thức tổ chức hoạt động học tập. Điều kiện lớp học tuy chưa thật sự hiện đại nhưng vẫn có thể khai thác các phương tiện hỗ trợ cơ bản như máy chiếu, loa, tranh ảnh, phiếu học tập và một số ứng dụng công nghệ đơn giản. Ngoài ra, nội dung chương trình Tiếng Anh trình độ trung cấp gồm nhiều chủ đề gần gũi với đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp của học sinh như giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, hoạt động hằng ngày, địa điểm, thực phẩm, đồ uống, sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ. Đây là điều kiện thuận lợi để giáo viên thiết kế các hoạt động giao tiếp, trò chơi học tập, làm việc nhóm và đóng vai phù hợp với khả năng của người học.

2.3.2. Khó khăn

Phần lớn học sinh xuất thân từ khu vực nông thôn, điều kiện tiếp xúc với Tiếng Anh còn hạn chế; nhiều em bị gián đoạn quá trình học ngoại ngữ nên mất nền tảng, vốn từ ít, khả năng nghe - nói còn yếu và phản xạ giao tiếp chậm. Trong giờ học, học sinh thường có tâm lý ngại nói, sợ sai, thiếu tự tin khi phát biểu trước lớp, chưa hình thành thói quen hợp tác và hỗ trợ nhau trong học tập. Một bộ phận học sinh còn có biểu hiện học đối phó, xem Tiếng Anh là môn học phụ so với các môn nghề, dẫn đến chưa đầu tư thời gian và sự cố gắng cần thiết. Về phía giáo viên, nếu tiếp tục tổ chức dạy học theo lối truyền thống, thiên về giảng giải và luyện bài tập đơn thuần thì khó tạo được sự chuyển biến về hứng thú và năng lực giao tiếp cho học sinh; ngược lại, nếu áp dụng hoạt động tích cực nhưng thiếu phân hóa, thiếu định hướng và kiểm soát thì dễ dẫn đến tình trạng lớp học sôi nổi về hình thức nhưng hiệu quả thực chất chưa cao.

2.4. Kết luận

Từ thực trạng trên cho thấy cần xây dựng các giải pháp dạy học mang tính đồng bộ, phù hợp với đặc điểm học sinh trung cấp nghề và điều kiện thực tế của nhà trường. Các giải pháp cần tập trung vào việc xác định rõ mục tiêu bài học, lựa chọn và vận dụng phù hợp các kỹ thuật dạy học tích cực, thiết kế nhiệm vụ học tập phù hợp với năng lực của học sinh, tăng cường hỗ trợ học sinh yếu và tạo cơ hội cho tất cả học sinh tham gia thực hành giao tiếp. Đồng thời, cần đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng quá trình học tập, mức độ tiến bộ và sự tham gia của người học. Đây cũng là cơ sở thực tiễn để sáng kiến đề xuất áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp CNOT 24 tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

III. NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Các nguyên tắc lựa chọn các kỹ thuật phù hợp

Giải pháp của sáng kiến hướng đến việc tạo ra sự chuyển biến thực chất trong giờ học Tiếng Anh của lớp CNOT 24, không chỉ ở kết quả kiểm tra mà còn ở thái độ học tập, mức độ tham gia, khả năng hợp tác và sự tự tin trong sử dụng ngôn ngữ. Vì vậy, sáng kiến không lựa chọn một kỹ thuật duy nhất mà xây dựng hệ thống giải pháp theo chuỗi, trong đó mỗi kỹ thuật có vai trò riêng nhưng hỗ trợ lẫn nhau.

Định hướng chung của sáng kiến là: (i) bảo đảm mọi học sinh đều có cơ hội tham gia; (ii) chuyển giờ học từ thiên về nghe - chép sang tương tác - thực hành; (iii) gắn nội dung Tiếng Anh với tình huống gần gũi và có ý nghĩa đối với người học; (iv) coi trọng sự tiến bộ của học sinh hơn là chỉ nhìn vào lỗi sai ban đầu; và (v) sử dụng các kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, không làm phát sinh yêu cầu đầu tư phức tạp.

Các nguyên tắc lựa chọn và tổ chức kỹ thuật dạy học tích cực

- Bảo đảm phù hợp với mục tiêu của bài học và năng lực hiện có của học sinh.
- Bảo đảm học sinh nào cũng có cơ hội tham gia, kể cả học sinh yếu, nhút nhát.
- Bảo đảm tính giao tiếp, tính thực hành và tính gần gũi với tình huống thực tế.
- Bảo đảm tiết kiệm thời gian, không gây rối lớp, không lệ thuộc vào thiết bị phức tạp.
- Bảo đảm có tiêu chí quan sát, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh.
- Bảo đảm tính mới và tính sáng tạo không phải ở việc “thêm nhiều hoạt động” mà ở cách lựa chọn, điều chỉnh và phối hợp hoạt động phù hợp với đối tượng cụ thể.

Bảng 2: Phân loại mức độ phù hợp của các kỹ thuật dạy học tích cực với mục tiêu từng dạng hoạt động

TT	Kỹ thuật	Mục tiêu sử dụng chính	Ghi chú khi áp dụng
1	Think - Pair - Share	Kích thích suy nghĩ cá nhân, trao đổi cặp đôi, tăng số lượng học sinh được nói	Phù hợp câu hỏi ngắn, hỏi - đáp, gợi ý từ vựng; cần giới hạn thời gian rõ
2	Role-play	Luyện hội thoại, phản xạ giao tiếp, tăng sự tự tin	Cần cho mẫu câu, từ khóa và phân vai rõ; ưu tiên tình huống gần gũi
3	Group work	Phát triển hợp tác, thảo luận, trình bày sản phẩm	Nhóm nhỏ 4 - 6 HS; phân công rõ vai trò; tránh nhóm quá đông
4	Trò chơi ngôn ngữ	Củng cố từ vựng, tạo hứng thú, giữ nhịp lớp	Dùng ngắn gọn, đúng mục tiêu; không sa đà vào hình thức

2. Các nguyên tắc áp dụng kỹ thuật dạy học

2.1. Phân loại đối tượng học sinh và thiết kế nhiệm vụ theo hướng vừa sức, có phân hóa

- Mục đích: Học sinh có cơ hội tham gia hoạt động học tập; tránh tình trạng học sinh yếu bị đứng ngoài cuộc hoặc chỉ ngồi nghe trong khi học sinh khá làm thay.

- Nội dung: Trước khi tổ chức hoạt động, giáo viên quan sát và nắm tương đối trình độ, tâm lý, mức độ tự tin và khả năng hợp tác của từng nhóm học sinh trong lớp. Trên cơ sở đó, giáo viên thiết kế nhiệm vụ theo nhiều mức: mức nhận biết dành cho học sinh yếu hoặc mới làm quen; mức thông hiểu và vận dụng đơn giản dành cho học sinh trung bình; mức mở rộng hoặc sáng tạo ngắn dành cho học sinh khá.

- Cách thực hiện: Giáo viên chuẩn bị sẵn mẫu câu, từ khóa, tranh ảnh, thẻ từ hoặc phiếu gợi ý; chia cặp hoặc nhóm có sự đan xen giữa học sinh khá và học sinh yếu; giao yêu cầu ngắn, rõ, có minh họa cụ thể. Với học sinh nhút nhát, giáo viên ưu tiên cho các em nói trong cặp hoặc nhóm nhỏ trước khi trình bày trước lớp. Đây là cách hỗ trợ mang tính “đệm” để giảm áp lực tâm lý cho người học.

- Tính mới, tính sáng tạo: Điểm mới ở đây không phải đơn thuần chia nhóm, mà là phân hóa nhiệm vụ trong cùng một hoạt động để học sinh ở nhiều mức năng lực đều có thể tham gia và tiến bộ. Cách làm này phù hợp với đặc điểm không đồng đều của lớp CNOT 24 và khắc phục tình trạng một số em bị bỏ lại phía sau.

- Giá trị mang lại: Giải pháp giúp lớp học không bị phân hóa quá mạnh; học sinh yếu có cảm giác mình làm được, từ đó dần mạnh dạn hơn; giáo viên cũng dễ kiểm soát chất lượng hoạt động hơn vì mỗi nhiệm vụ đã được “hạ độ khó” hoặc “mở rộng độ khó” hợp lý.

2.2. Tổ chức giờ học theo chuỗi kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp từng giai đoạn của bài

- Mục đích: Tạo nên tiến trình dạy học logic, nhịp nhàng, bảo đảm mỗi hoạt động đều có vai trò rõ ràng trong việc hình thành và luyện tập ngôn ngữ.

- Nội dung: Mỗi bài học được thiết kế theo chuỗi cơ bản: khởi động - hình thành kiến thức - luyện tập - vận dụng - củng cố, đánh giá. Ở mỗi giai đoạn, giáo viên chọn 1 đến 2 kỹ thuật phù hợp thay vì sử dụng tràn lan nhiều hoạt động. Ví dụ: khởi động bằng trò chơi ngôn ngữ; hình thành kiến thức qua tranh ảnh và gợi mở; luyện tập bằng Think - Pair - Share hoặc pair work; vận dụng bằng role-play hoặc mini survey; củng cố bằng phản hồi nhanh, bảng kiểm hoặc câu hỏi nhắc lại.

- Cách thực hiện: Giáo viên không triển khai quá nhiều kỹ thuật trong một tiết học mà chọn lọc 2 - 3 kỹ thuật trọng tâm, sử dụng đúng thời điểm. Mỗi hoạt động đều có yêu cầu, thời gian, sản phẩm và cách phản hồi cụ thể. Chẳng hạn, với bài dạy từ vựng về thể thao, giáo viên dùng Slap the Board để khởi động, dùng tranh ảnh để giới thiệu từ, dùng TPS để luyện hỏi - đáp, sau đó dùng mini survey

để vận dụng. Với bài hội thoại về hoạt động hằng ngày, giáo viên dùng quick response và role-play để tăng phản xạ.

- Tính mới, tính sáng tạo: Điểm sáng tạo của giải pháp là xây dựng chuỗi hoạt động có tính kết nối, trong đó mỗi kỹ thuật đều phục vụ một mục tiêu rõ và chuẩn bị cho hoạt động tiếp theo. Nhờ vậy, tiết học tránh được tình trạng rời rạc, “đổi hoạt động cho vui” mà vẫn bảo đảm tính hệ thống.

- Giá trị mang lại: Giờ học có cấu trúc rõ, tiết tấu linh hoạt; học sinh được chuyển đổi vai trò từ người nghe sang người thực hành và người phản hồi; giáo viên kiểm soát được thời gian và kết quả của từng chặng trong tiết dạy.

2.3. Gắn nội dung dạy học với tình huống giao tiếp gần gũi và bối cảnh nghề nghiệp

- Mục đích: Làm cho học sinh thấy việc học Tiếng Anh có ý nghĩa thực tiễn; từ đó tăng động cơ, hứng thú và khả năng ghi nhớ.

- Nội dung: Giáo viên lựa chọn ngữ liệu, tranh ảnh, câu hỏi, đoạn hội thoại và nhiệm vụ học tập gần với sinh hoạt hằng ngày, môi trường trường học, giao tiếp cơ bản nơi làm việc và bối cảnh nghề nghiệp đơn giản. Ví dụ: hỏi về sở thích, hoạt động thường ngày, làm quen, hỏi thông tin, giao tiếp tại lớp học, tại văn phòng hoặc nơi thực hành nghề.

- Cách thực hiện: Trong mỗi chủ đề, giáo viên điều chỉnh ví dụ và tình huống để học sinh dễ liên hệ. Với role-play, giáo viên cho sẵn bối cảnh ngắn, vai giao tiếp và mẫu câu hỗ trợ. Với nhóm học sinh yếu, giáo viên cho phép sử dụng thẻ từ hoặc khung hội thoại. Với nhóm học sinh khá, giáo viên mở rộng bằng nhiệm vụ yêu cầu thay đổi thông tin hoặc sáng tạo thêm câu hỏi.

- Tính mới, tính sáng tạo: Giải pháp không dừng ở việc “đưa ví dụ thực tế” mà xây dựng cách chuyển hóa nội dung bài học thành tình huống sử dụng ngôn ngữ vừa sức, có mục tiêu rõ và có thể thực hiện trong điều kiện lớp học trung cấp nghề. Điều này làm tăng tính ứng dụng của môn học.

- Giá trị mang lại: Học sinh không còn cảm giác Tiếng Anh chỉ là môn học thiên về ghi nhớ; các em thấy ngôn ngữ có thể dùng được trong tình huống gần gũi. Sự thay đổi về nhận thức này góp phần tăng hứng thú và giảm tâm lý học đối phó.

2.4. Tăng cường sử dụng học liệu trực quan, trò chơi và công nghệ đơn giản để hỗ trợ hoạt động học tập

- Mục đích: Tăng tính trực quan, giảm áp lực tiếp nhận ngôn ngữ và tạo hứng thú cho học sinh trong suốt tiết học.

- Nội dung: Học liệu sử dụng gồm tranh ảnh, thẻ từ, bảng phụ, phiếu học tập, PowerPoint, đoạn video ngắn, trò chơi từ vựng, quiz nhanh hoặc bảng khảo sát nhỏ. Tất cả đều hướng tới việc giúp học sinh quan sát, gọi tên, liên hệ nghĩa và sử dụng mẫu câu trong ngữ cảnh cụ thể.

- Cách thực hiện: Giáo viên chọn tư liệu ngắn gọn, đúng trọng tâm, ưu tiên minh họa trực quan cho từ vựng và mẫu câu. Trò chơi chỉ được sử dụng như công cụ dẫn nhập, củng cố hoặc chuyển tiết tấu, không chiếm quá nhiều thời gian. Công nghệ được dùng ở mức phù hợp, tận dụng thiết bị sẵn có của nhà trường; nếu mạng không ổn định, giáo viên vẫn có phương án thay thế bằng học liệu giấy.

- Tính mới, tính sáng tạo: Điểm đáng chú ý là sáng kiến không lệ thuộc vào công nghệ phức tạp mà chọn cách ứng dụng học liệu trực quan và công nghệ đơn giản nhưng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học nghệ. Đây là hướng đi thực tế và khả thi hơn so với các mô hình yêu cầu thiết bị đồng bộ.

- Giá trị mang lại: Học sinh dễ tiếp nhận và ghi nhớ từ mới, không khí lớp học sôi nổi hơn, giáo viên có thêm công cụ để giữ nhịp lớp và lôi cuốn cả những em học yếu vào hoạt động.

2.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng quá trình và sự tiến bộ của học sinh

- Mục đích: Khắc phục tình trạng đánh giá chỉ dựa vào điểm kiểm tra viết; đồng thời ghi nhận sự tham gia, sự tự tin và khả năng hợp tác của học sinh trong quá trình học.

- Nội dung: Bên cạnh kiểm tra định kỳ, giáo viên sử dụng quan sát lớp học, bảng kiểm, phiếu đánh giá, rubric đơn giản, phản hồi miệng ngắn, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Các tiêu chí tập trung vào: mức độ tham gia, sử dụng mẫu câu, hợp tác với bạn, sự tự tin trình bày và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Cách thực hiện: Cuối một hoạt động hoặc cuối bài học, giáo viên có thể cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng hoặc dùng rubric 3 mức. Với các nhiệm vụ nói, giáo viên ưu tiên nhận xét theo hướng khích lệ, sửa trọng tâm một số lỗi điển hình thay vì chê trách quá nhiều. Kết quả đánh giá quá trình được dùng để điều chỉnh cách tổ chức hoạt động ở những tiết sau.

- Tính mới, tính sáng tạo: Sự sáng tạo của giải pháp nằm ở chỗ kết nối đánh giá với quá trình học tập chứ không xem đánh giá chỉ là khâu cuối. Nhờ đó, đánh giá trở thành công cụ hỗ trợ học tập, tạo động lực và phản ánh đúng hơn sự tiến bộ của học sinh trung cấp nghề.

- Giá trị mang lại: Học sinh cảm nhận được sự ghi nhận đối với quá trình cố gắng của mình; giáo viên có thêm dữ liệu để điều chỉnh phương pháp; giờ học trở nên công bằng hơn đối với những học sinh còn yếu nhưng có tiến bộ rõ rệt.

3. Áp dụng các kỹ thuật vào giảng dạy

3.1. Mục đích

Áp dụng các kỹ thuật dạy học đã phân tích và thực tế giảng dạy nhằm giúp giáo viên tiến hành thu thập các minh chứng về mức độ tham gia của học sinh, sự tự tin khi giao tiếp, khả năng hợp tác, hứng thú học tập và kết quả kiểm tra trước và sau khi áp dụng. Các minh chứng thực tiễn này là cơ sở để đánh giá tác động của các kỹ thuật dạy học tích cực đối với chất lượng dạy học môn Tiếng Anh, đồng

thời xác định tính khả thi và khả năng nhân rộng của sáng kiến trong điều kiện thực tế của nhà trường.

3.2. Đối tượng áp dụng

Lớp Tiếng Anh trung cấp CNOT24

3.3. Phương thức áp dụng

Giáo viên tiến hành giảng dạy bài 1 theo phương pháp dạy học truyền thống nhằm khảo sát và đánh giá thực trạng ban đầu của học sinh thông qua các tiêu chí như mức độ tham gia hoạt động học tập, sự hứng thú, khả năng hợp tác và sự tự tin khi sử dụng Tiếng Anh. Kết quả quan sát và đánh giá ở giai đoạn này được sử dụng làm cơ sở đối chiếu trước khi áp dụng sáng kiến.

Từ bài 2 đến bài 7, giáo viên thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học theo bốn kỹ thuật dạy học tích cực gồm Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ. Các kỹ thuật được lựa chọn và vận dụng phù hợp với mục tiêu bài học, nội dung kiến thức và đặc điểm của học sinh trung cấp nghề nhằm tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ, phát huy tính chủ động và nâng cao mức độ tham gia của học sinh trong giờ học.

Việc lựa chọn áp dụng sáng kiến từ bài 2 đến bài 7 được thực hiện nhằm đảm bảo có đủ thời gian quan sát, triển khai và đánh giá hiệu quả của các kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình học tập của học sinh. Bài 1 được sử dụng để khảo sát thực trạng ban đầu, đánh giá mức độ tham gia, hứng thú và năng lực giao tiếp của học sinh khi học theo phương pháp dạy học thông thường, từ đó làm cơ sở đối chiếu trước khi áp dụng sáng kiến.

Trong quá trình triển khai, giáo viên tiếp tục quan sát, theo dõi và đánh giá học sinh theo các tiêu chí đã xác định; đồng thời so sánh kết quả trước và sau khi áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực để đánh giá mức độ hiệu quả của sáng kiến đối với chất lượng dạy học môn Tiếng Anh.

3.4. Tiêu chí và phương thức đánh giá

Hiệu quả của sáng kiến được đánh giá thông qua việc theo dõi sự chuyển biến của học sinh lớp CNOT 24 từ Bài 1 (dạy theo phương pháp truyền thống) đến Bài 7 (áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực). Các tiêu chí đánh giá tập trung vào mức độ tham gia học tập, khả năng giao tiếp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh trong quá trình học môn Tiếng Anh.

Các tiêu chí đánh giá gồm:

- Số học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài;
- Số học sinh tham gia hoạt động cặp/nhóm;

- Số học sinh chủ động sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động học tập;
- Số học sinh tự tin trình bày trước lớp;
- Số học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng yêu cầu;
- Số học sinh phản hồi hứng thú với giờ học.

Phương thức đánh giá được thực hiện thông qua quan sát trực tiếp trong giờ học, theo dõi quá trình tham gia hoạt động của học sinh, ghi nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và khảo sát mức độ hứng thú của học sinh sau mỗi bài học. Giáo viên sử dụng cùng một hệ thống tiêu chí để đánh giá xuyên suốt từ Bài 1 đến Bài 7 nhằm bảo đảm tính thống nhất và khách quan trong quá trình theo dõi.

Kết quả đánh giá được tổng hợp và so sánh qua từng bài học để xác định mức độ tác động của các kỹ thuật Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ đối với chất lượng dạy học môn Tiếng Anh. Các số liệu cho thấy hầu hết tiêu chí đều có sự cải thiện rõ rệt sau quá trình áp dụng sáng kiến, đặc biệt ở mức độ tham gia hoạt động học tập, sự tự tin khi sử dụng Tiếng Anh và khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh.

3.5 Áp dụng các kỹ thuật vào một bài cụ thể

Bài 2: Leisure Activities

1. Kỹ thuật Think – Pair – Share

Hoạt động: Talking about free-time activities

- Giáo viên chiếu tranh về một số hoạt động giải trí như: listening to music, playing football, watching TV, reading books.
- Giáo viên đặt câu hỏi: “*What do you usually do in your free time?*”
- Học sinh suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời trong khoảng 1 phút (*Think*).
- Học sinh trao đổi theo cặp bằng mẫu câu:
A: *What do you usually do in your free time?*
B: *I usually listen to music.* (*Pair*)
- Một số cặp trình bày trước lớp; giáo viên nhận xét và sửa lỗi phát âm (*Share*).

Hoạt động giúp học sinh tăng khả năng phản xạ và giảm tâm lý e ngại khi giao tiếp bằng Tiếng Anh.

2. Kỹ thuật Group Work

Hoạt động: Group survey about leisure activities

- Giáo viên chia lớp thành các nhóm từ 4–5 học sinh.

- Mỗi nhóm nhận phiếu khảo sát gồm các nội dung: favorite activity, how often, reason.
- Các thành viên trong nhóm hỏi – đáp và ghi thông tin của nhau bằng Tiếng Anh.
- Nhóm thảo luận để tổng hợp kết quả và lựa chọn một học sinh trình bày.
- Đại diện nhóm báo cáo trước lớp, ví dụ:
“*Most students in our group like watching TV because it is relaxing.*”
- Giáo viên nhận xét mức độ hợp tác và khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh.

Hoạt động giúp học sinh phát triển kỹ năng hợp tác và tăng cơ hội sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp nhóm.

3. Kỹ thuật Role Play

Hoạt động: Inviting friends to join leisure activities

- Giáo viên đưa ra tình huống: mời bạn tham gia hoạt động giải trí cuối tuần.
- Giáo viên gợi ý mẫu hội thoại:
A: *Would you like to play badminton this Sunday?*
B: *Yes, I'd love to.*
- Học sinh làm việc theo cặp, xây dựng đoạn hội thoại ngắn dựa trên hoạt động yêu thích của mình.
- Các cặp luyện tập trong 3–5 phút, sau đó trình bày trước lớp.
- Giáo viên nhận xét về phát âm, ngữ điệu và khả năng phản xạ giao tiếp của học sinh.

Hoạt động giúp học sinh luyện sử dụng Tiếng Anh trong tình huống gần với thực tế và tăng sự tự tin khi giao tiếp.

4. Kỹ thuật trò chơi ngôn ngữ

Hoạt động: Guessing Game

- Giáo viên chuẩn bị các từ khóa về hoạt động giải trí như: playing football, reading books, surfing the Internet, cooking.
- Một học sinh lên bảng bốc thăm và diễn tả hành động bằng cử chỉ mà không nói từ khóa.
- Các học sinh khác đoán bằng Tiếng Anh, ví dụ:
“*Are you playing football?*”
“*Are you reading books?*”
- Học sinh trả lời đúng được cộng điểm cho nhóm.
- Giáo viên tổng kết và củng cố lại từ vựng của bài học.

Hoạt động tạo không khí học tập tích cực, giúp học sinh ghi nhớ từ vựng và tham gia sử dụng Tiếng Anh một cách tự nhiên.

Các bài từ 3 đến 7 trong Phụ lục 2

4. Đánh giá kết quả áp dụng

Kết quả theo dõi và đánh giá qua các bài học cho thấy việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực đã tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về mức độ tham gia học tập, khả năng giao tiếp và hứng thú học tập của học sinh lớp CNOT 24.

Bảng kết quả quá trình áp dụng

Nội dung đánh giá	Bài 1 (PP truyền thống)	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Bài 5	Bài 6	Bài 7
Số HS tham gia phát biểu xây dựng bài	6	11	14	17	19	21	23
Số HS tham gia hoạt động cặp/nhóm	9	15	18	21	25	26	27
Số HS chủ động sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động	5	10	13	16	18	20	22
Số HS tự tin trình bày trước lớp	3	7	10	13	15	17	19
Số HS hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng yêu cầu	10	18	21	25	27	28	29
Số HS phản hồi hứng thú với giờ học	8	12	16	20	24	25	28

Ở Bài 1 – giai đoạn chưa áp dụng sáng kiến và chủ yếu sử dụng phương pháp dạy học truyền thống – số học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài, chủ động sử dụng Tiếng Anh và tự tin trình bày trước lớp còn thấp, lần lượt chỉ đạt 6, 5 và 3 học sinh. Số học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng yêu cầu mới đạt 10 học sinh; số học sinh phản hồi hứng thú với giờ học là 8 học sinh. Điều này cho thấy học sinh còn khá thụ động, thiếu tự tin và chưa tích cực tham gia các hoạt động học tập.

Từ Bài 2 đến Bài 7, sau khi giáo viên vận dụng các kỹ thuật Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ, các chỉ số đánh giá đều tăng dần qua từng bài học. Số học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài tăng từ 11 học sinh ở Bài 2 lên 23 học sinh ở Bài 7. Số học sinh tham gia hoạt động cặp/nhóm tăng từ 15 lên 27 học sinh, cho thấy khả năng hợp tác và mức độ tham gia của học sinh được cải thiện rõ rệt.

Bên cạnh đó, số học sinh chủ động sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động học tập tăng từ 10 học sinh ở Bài 2 lên 22 học sinh ở Bài 7; số học sinh tự tin trình bày trước lớp cũng tăng từ 7 lên 19 học sinh. Điều này cho thấy các hoạt động giao tiếp được tổ chức thường xuyên đã góp phần nâng cao sự tự tin và khả năng phản xạ ngôn ngữ của học sinh.

Đặc biệt, số học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng yêu cầu tăng liên tục qua từng bài, từ 18 học sinh ở Bài 2 lên 29 học sinh ở Bài 7, đạt 100% sĩ số lớp. Đồng thời, số học sinh phản hồi hứng thú với giờ học cũng tăng mạnh từ 12 học sinh lên 28 học sinh. Kết quả này phản ánh sự thay đổi tích cực về thái độ học tập và mức độ hứng thú của học sinh đối với môn Tiếng Anh sau khi áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực.

Nhìn chung, các số liệu theo dõi qua từng bài học cho thấy việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực không chỉ góp phần nâng cao kết quả học tập mà còn cải thiện rõ rệt tính chủ động, sự tự tin, khả năng hợp tác và năng lực giao tiếp của học sinh trong giờ học Tiếng Anh.

5. Đánh giá kết quả thu được

5.1. Tính mới, tính sáng tạo

Sáng kiến “Áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp CNOT 24 tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn” có tính mới ở việc lựa chọn và vận dụng có hệ thống bốn kỹ thuật dạy học tích cực gồm Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ trong dạy học Tiếng Anh đối với học sinh trung cấp nghề. Các kỹ thuật không được sử dụng riêng lẻ mà được thiết kế, phối hợp linh hoạt theo mục tiêu từng bài học và đặc điểm của học sinh lớp CNOT 24 nhằm tăng mức độ tham gia, khả năng tương tác và cơ hội thực hành giao tiếp cho người học.

Điểm mới của sáng kiến còn thể hiện ở việc chuyển trọng tâm từ hoạt động giảng giải của giáo viên sang hoạt động học tập của học sinh. Trong quá trình dạy học, giáo viên tổ chức các hoạt động theo hướng tăng cường trao đổi cặp đôi, thảo luận nhóm, thực hành tình huống giao tiếp và tham gia trò chơi ngôn ngữ, giúp học sinh được sử dụng Tiếng Anh thường xuyên trong môi trường học tập tích cực và giảm tâm lý e ngại khi giao tiếp.

Sáng kiến có sự điều chỉnh và phân hóa nhiệm vụ học tập phù hợp với năng lực của học sinh. Đối với học sinh yếu hoặc thiếu tự tin, giáo viên sử dụng tranh ảnh, từ khóa, mẫu câu gợi ý và các nhiệm vụ đơn giản để hỗ trợ tham gia hoạt động. Đối với học sinh khá, giáo viên tăng cường các nhiệm vụ vận dụng như trình bày, hỏi – đáp hoặc xây dựng hội thoại. Cách tổ chức này giúp học sinh ở nhiều mức độ khác nhau đều có cơ hội tham gia và thực hành ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, sáng kiến chú trọng gắn nội dung bài học với các tình huống giao tiếp gần gũi trong đời sống như hoạt động giải trí, địa điểm, ăn uống, du lịch và các hoạt động hằng ngày. Việc vận dụng các kỹ thuật Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ trong các chủ đề quen thuộc giúp học sinh dễ tiếp cận kiến thức, tăng hứng thú học tập và từng bước hình thành năng lực giao tiếp cơ bản bằng Tiếng Anh.

Sáng kiến cũng thể hiện sự đổi mới trong kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng quá trình học tập và mức độ tham gia của học sinh. Việc đánh giá không chỉ dựa vào kết quả kiểm tra viết mà còn thông qua quan sát hoạt động học tập, khả năng hợp tác, sự tự tin khi giao tiếp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh trong các hoạt động cặp, nhóm và đóng vai.

Kết quả thực nghiệm cho thấy việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực đã góp phần nâng cao rõ rệt mức độ tham gia học tập, sự tự tin, khả năng hợp tác và kết quả học tập môn Tiếng Anh của học sinh lớp CNOT 24. Điều này khẳng định tính khả thi, tính thực tiễn và khả năng áp dụng của sáng kiến trong dạy học Tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5.2. Khả năng áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến

a) Khả năng áp dụng và nhân rộng

Sáng kiến có khả năng áp dụng cao trong thực tiễn dạy học môn Tiếng Anh ở trình độ trung cấp tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn. Các kỹ thuật được sử dụng gồm Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ đều là những kỹ thuật dạy học tích cực dễ triển khai, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh của nhà trường. Giáo viên có thể sử dụng các phương tiện sẵn có như bảng, máy chiếu, tranh ảnh, phiếu học tập hoặc học liệu trực quan đơn giản để tổ chức các hoạt động học tập mà không đòi hỏi kinh phí lớn.

Sáng kiến được áp dụng trực tiếp trong quá trình giảng dạy môn Tiếng Anh đối với lớp CNOT 24 gồm 29 học sinh. Đây là lớp học có những đặc điểm phổ biến của học sinh trung cấp nghề như trình độ đầu vào không đồng đều, vốn từ hạn chế, khả năng giao tiếp còn yếu và tâm lý e ngại khi sử dụng Tiếng Anh. Vì vậy, kết quả đạt được từ quá trình áp dụng sáng kiến có ý nghĩa thực tiễn và có thể tham khảo để triển khai ở các lớp trung cấp khác có đặc điểm tương tự.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên tiến hành giảng dạy bài 1 theo phương pháp thông thường để khảo sát thực trạng, sau đó áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực từ bài 2 đến bài 7 thông qua các hoạt động cặp đôi, thảo luận nhóm, đóng vai và trò chơi ngôn ngữ phù hợp với từng chủ đề bài học. Các bài học có nội dung gần gũi như *Leisure Activities, Places, Food and Drink, Special Occasions, Vacation* và *Activities* tạo điều kiện thuận lợi để học sinh tham gia thực hành giao tiếp và hợp tác học tập.

Quy trình áp dụng sáng kiến được thực hiện theo các bước: khảo sát thực trạng ban đầu; lựa chọn bài học phù hợp; thiết kế hoạt động theo các kỹ thuật dạy học tích cực; tổ chức hoạt động trên lớp; quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh; đánh giá kết quả trước và sau khi áp dụng. Quy trình này đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với điều kiện dạy học trong giáo dục nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, sáng kiến có khả năng nhân rộng trong phạm vi tổ chuyên môn và nhà trường. Giáo viên có thể vận dụng linh hoạt các hoạt động Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ vào các bài học khác nhằm tăng mức độ tham gia, phát triển năng lực giao tiếp và nâng cao hứng thú học tập cho học sinh trong môn Tiếng Anh.

b) Khả năng mang lại lợi ích thiết thực

*** Lợi ích thiết thực đối với học sinh**

Việc áp dụng các kỹ thuật Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ trong dạy học môn Tiếng Anh đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực về thái độ học tập, mức độ tham gia và kết quả học tập của học sinh lớp CNOT 24. Trước khi áp dụng sáng kiến, nhiều học sinh còn thiếu tự tin khi sử dụng Tiếng Anh, ngại phát biểu và ít tham gia vào các hoạt động học tập. Sau quá trình triển khai các hoạt động cặp đôi, thảo luận nhóm, đóng vai và trò chơi ngôn ngữ, học sinh có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn, được hỗ trợ bằng mẫu câu, từ khóa và hoạt động tương tác phù hợp với năng lực. Nhờ đó, tâm lý e ngại khi giao tiếp bằng Tiếng Anh được giảm dần.

Kết quả theo dõi qua các bài học cho thấy mức độ tham gia và hứng thú học tập của học sinh được cải thiện rõ rệt. Số học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài tăng từ 6 học sinh ở Bài 1 lên 23 học sinh ở Bài 7; số học sinh tham gia hoạt động cặp/nhóm tăng từ 9 lên 27 học sinh. Bên cạnh đó, số học sinh chủ động sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động học tập tăng từ 5 lên 22 học sinh; số học sinh tự tin trình bày trước lớp tăng từ 3 lên 19 học sinh. Điều này cho thấy các kỹ thuật dạy học tích cực đã góp phần nâng cao sự tự tin và khả năng giao tiếp của học sinh trong giờ học Tiếng Anh.

Về kết quả học tập, số học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng yêu cầu tăng từ 10 học sinh ở Bài 1 lên 29 học sinh ở Bài 7. Đồng thời, số học sinh phản hồi hứng thú với giờ học tăng từ 8 lên 28 học sinh. Kết quả này cho thấy việc tổ chức các hoạt động học tập theo hướng tích cực không chỉ hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức tốt hơn mà còn tạo động lực và hứng thú học tập đối với môn Tiếng Anh.

Bên cạnh sự cải thiện về kết quả học tập, học sinh từng bước hình thành thói quen học tập tích cực thông qua việc trao đổi trong cặp đôi, hợp tác nhóm, thực hành giao tiếp và tham gia trình bày trước lớp. Các em chủ động hơn trong quá trình học tập, biết phối hợp với bạn cùng nhóm và mạnh dạn sử dụng Tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp đơn giản. Đây là sự chuyển biến có ý nghĩa đối với học sinh trung cấp nghề, đặc biệt trong bối cảnh nhiều học sinh còn hạn chế về nền tảng ngoại ngữ và thiếu cơ hội thực hành giao tiếp.

Để đánh giá hiệu quả của sáng kiến, tác giả sử dụng phương pháp so sánh kết quả trước và sau khi áp dụng đối với cùng một nhóm học sinh lớp CNOT 24. Các tiêu chí đánh giá tập trung vào mức độ tham gia hoạt động học tập, khả năng hợp tác, sự tự tin khi sử dụng Tiếng Anh, mức độ hứng thú học tập và kết quả hoàn thành nhiệm vụ học tập. Kết quả được tổng hợp thông qua quan sát thực tế, phiếu khảo sát và theo dõi quá trình học tập của học sinh qua từng bài học.

Bảng 3: Kết quả kiểm tra kiến thức trước và sau tác động của học sinh để chia mức

Mức độ	Trước (SL)	Trước (%)	Sau (SL)	Sau (%)
Xuất sắc (9,0-10)	0		0	
Giỏi (8,0-8,9)	1	3,45	2	6,9
Khá (7,0-7,9)	5	17,3	9	31,0
Trung bình (5,0-6,9)	9	31,0	14	48,3
Yếu (0- <5,0)	14	48,2	4	13,8

- Kết quả kiểm tra kiến thức cũng cho thấy sự cải thiện tích cực. Tỷ lệ học sinh yếu giảm mạnh từ 48,2% xuống còn 13,8%; trong khi số học sinh đạt khá và giỏi tăng lên. Tuy sự tăng điểm chưa phản ánh toàn bộ năng lực giao tiếp, nhưng kết hợp với các chỉ số về tham gia và tự tin, có thể khẳng định sáng kiến đã tạo được tác động toàn diện hơn so với cách dạy học thông thường.

- Qua quan sát, sự thay đổi không chỉ thể hiện ở điểm số mà còn ở thái độ học tập: học sinh chủ động hơn, biết hợp tác hơn, sẵn sàng thử nói hơn, ít sợ sai hơn và phản ứng tích cực hơn với các nhiệm vụ học tập. Đây là những chỉ báo quan trọng cho thấy sáng kiến đã chạm tới phần cốt lõi của quá trình dạy học ngoại ngữ, đó là tạo môi trường giao tiếp an toàn và có động lực.

- Sáng kiến đã được áp dụng trong dạy học môn Tiếng Anh ở lớp CNOT 24 tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn. Kết quả thực tế cho thấy các giải pháp có tính khả thi vì phù hợp với thời lượng, điều kiện thiết bị và trình độ học sinh hiện có. Các kỹ thuật như Think - Pair - Share, role-play, group work, trò chơi ngôn ngữ, phản hồi nhanh, rubric quan sát đều là những công cụ dễ thực hiện, không đòi hỏi kinh phí lớn hoặc thiết bị chuyên dụng.

- Ngoài lớp CNOT 24, sáng kiến có thể áp dụng cho các lớp trung cấp khác có đặc điểm tương tự như trình độ đầu vào chưa đồng đều, tâm lý ngại giao tiếp và nhu cầu tăng cường thực hành ngôn ngữ. Nếu điều chỉnh ngữ liệu, mẫu câu và bối cảnh giao tiếp, sáng kiến cũng có thể áp dụng cho một số học phần ngoại ngữ khác trong nhà trường.

- Để áp dụng hiệu quả, cần bảo đảm một số điều kiện cơ bản: giáo viên nắm chắc mục tiêu bài học, có khả năng thiết kế nhiệm vụ theo mức độ; tổ chuyên môn thống nhất định hướng đổi mới; lớp học có phương tiện tối thiểu như bảng, máy chiếu, loa hoặc học liệu trực quan; và có cơ chế theo dõi, dự giờ, góp ý để điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

Bảng 4: Minh chứng so sánh hiệu quả của sáng kiến với cách dạy học thông thường

Nội dung so sánh	Cách dạy học thông thường	Cách dạy học sau khi áp dụng sáng kiến
Vai trò của giáo viên	Chủ yếu giảng giải, hướng dẫn làm bài tập	Thiết kế, tổ chức, hỗ trợ và phản hồi
Vai trò của học sinh	Nghe, ghi chép, làm bài cá nhân	Tham gia cặp, nhóm, trò chơi, đóng vai, trình bày
Mức độ giao tiếp bằng Tiếng Anh	Còn hạn chế, chủ yếu trả lời khi được gọi	Tăng cơ hội hỏi - đáp, trao đổi và thực hành
Đánh giá học sinh	Chủ yếu dựa vào bài kiểm tra viết	Kết hợp đánh giá quá trình, sản phẩm hoạt động và kết quả kiểm tra
Không khí lớp học	Dễ trầm, học sinh yếu ít tham gia	Sôi nổi hơn, học sinh có nhiều cơ hội tham gia
Khả năng hỗ trợ học sinh yếu	Chưa thường xuyên, dễ bị bỏ lại phía sau	Có mẫu câu, từ khóa, phiếu gợi ý và nhiệm vụ phân hóa

Từ kết quả so sánh cho thấy sáng kiến đã góp phần khắc phục một số hạn chế của cách dạy học thông thường. Việc tổ chức dạy học theo chuỗi hoạt động tích cực giúp học sinh có nhiều cơ hội thực hành hơn, giáo viên có điều kiện quan sát và hỗ trợ kịp thời hơn, đồng thời tạo ra môi trường học tập phù hợp với đặc điểm của học sinh trung cấp nghề.

*** Lợi ích thiết thực đối với giáo viên**

- Đối với giáo viên, sáng kiến giúp hình thành một quy trình tổ chức dạy học rõ ràng, có thể áp dụng thường xuyên trong các tiết dạy Tiếng Anh. Thay vì lựa chọn hoạt động theo cảm tính hoặc sử dụng trò chơi, thảo luận nhóm một cách rời rạc, giáo viên có căn cứ để xác định mục tiêu bài học, lựa chọn kỹ thuật phù hợp, thiết kế nhiệm vụ theo mức độ khó khác nhau và đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình thực hiện.

- Sáng kiến cũng giúp giáo viên nâng cao năng lực quan sát, phản hồi và điều chỉnh hoạt động dạy học. Trong mỗi tiết học, giáo viên không chỉ quan tâm đến việc hoàn thành nội dung bài giảng mà còn chú ý đến mức độ tham gia của học sinh, nhóm học sinh còn yếu, học sinh chưa tự tin, học sinh có tiến bộ và những hoạt động chưa phù hợp cần điều chỉnh. Nhờ đó, quá trình dạy học trở nên linh hoạt, sát đối tượng hơn và phù hợp hơn với đặc điểm của học sinh trung cấp nghề.

- Ngoài ra, sáng kiến góp phần giảm áp lực cho giáo viên trong việc tạo hứng thú học tập môn Tiếng Anh. Khi học sinh được tổ chức hoạt động phù hợp, lớp học trở nên sinh động hơn, học sinh có cơ hội tương tác nhiều hơn, giáo viên không phải duy trì giờ học bằng cách giảng giải một chiều. Việc sử dụng học liệu trực

quan, phiếu học tập, trò chơi ngắn và hoạt động nhóm cũng giúp giáo viên dễ kiểm soát tiến trình học tập, đồng thời tạo thêm minh chứng để đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

*** Lợi ích đối với nhà trường và chất lượng đào tạo**

- Đối với Trường Cao đẳng Lạng Sơn, sáng kiến góp phần thực hiện định hướng đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường tính thực hành trong giáo dục nghề nghiệp. Môn Tiếng Anh là môn học chung nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với năng lực học tập, giao tiếp và khả năng thích ứng nghề nghiệp của học sinh. Việc đổi mới dạy học môn Tiếng Anh theo hướng tích cực sẽ góp phần nâng cao chất lượng các môn học chung, đồng thời tạo nền tảng để học sinh có thái độ học tập tốt hơn đối với các nội dung đào tạo khác.

- Sáng kiến không đòi hỏi đầu tư lớn về cơ sở vật chất, có thể tận dụng các điều kiện hiện có của nhà trường như phòng học, bảng, máy chiếu, loa, tranh ảnh, phiếu học tập và thiết bị cá nhân của giáo viên. Điều này làm cho sáng kiến có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Nếu được tổ chuyên môn trao đổi, góp ý và triển khai thống nhất, sáng kiến có thể trở thành kinh nghiệm dùng chung trong dạy học Tiếng Anh cho các lớp trung cấp.

- Bên cạnh đó, sáng kiến còn góp phần xây dựng môi trường học tập tích cực, thân thiện và khuyến khích học sinh tham gia. Khi học sinh có hứng thú hơn với môn Tiếng Anh, mạnh dạn hơn trong giao tiếp và có kết quả học tập tốt hơn, chất lượng đào tạo chung của nhà trường cũng được cải thiện. Đây là lợi ích thiết thực, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

IV. KẾT LUẬN

Sáng kiến “Áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh lớp CNOT 24 tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn” đã góp phần giải quyết một vấn đề thực tiễn trong dạy học ngoại ngữ ở giáo dục nghề nghiệp, đó là nâng cao mức độ tham gia, sự tự tin và hiệu quả học tập của học sinh trung cấp nghề trong điều kiện trình độ đầu vào không đồng đều và khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh còn hạn chế.

Thông qua việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như Think – Pair – Share, Group Work, Role Play và trò chơi ngôn ngữ, giờ học Tiếng Anh được tổ chức theo hướng tăng cường hoạt động học tập của học sinh, tạo nhiều cơ hội thực hành giao tiếp và tương tác trong lớp học. Kết quả theo dõi trước và sau khi áp dụng cho thấy học sinh tham gia phát biểu nhiều hơn, tích cực hơn trong hoạt động cặp/nhóm, tự tin hơn khi sử dụng Tiếng Anh và hứng thú hơn với môn học. Đồng thời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh cũng được cải thiện rõ rệt.

Sáng kiến có tính thực tiễn và khả thi cao do các kỹ thuật được sử dụng đều dễ triển khai, phù hợp với điều kiện dạy học tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn và đặc điểm của học sinh trung cấp nghề. Điểm nổi bật của sáng kiến là sự lựa chọn và phối hợp linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực theo từng bài học và từng đối tượng

học sinh nhằm phát huy tính chủ động và tăng hiệu quả giao tiếp trong giờ học Tiếng Anh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sáng kiến vẫn còn giới hạn trong phạm vi một lớp học và thời gian áp dụng chưa dài. Vì vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục mở rộng phạm vi thực hiện và tăng cường theo dõi, đánh giá để có cơ sở xác định rõ hơn mức độ tác động của từng kĩ thuật dạy học tích cực đối với năng lực giao tiếp và kết quả học tập của học sinh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Abbasi, M., & Anthony, E. M. (2024). *The Impact of Group Work Activities on EFL Learners' Speaking Fluency*. Forum for Linguistic Studies, 6(2).
- 2 Alrayah, H. (2018). *The Effectiveness of Cooperative Learning Activities in Enhancing EFL Learners' Fluency*. English Language Teaching, 11(4), 21–31.
- 3 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2024). *Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 quy định cấu trúc chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp*. Hà Nội.
- 4 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2024). *Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2024 quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*. Hà Nội.
- 5 Bygate, M. (2015). *Domains and Directions in the Development of TBLT: A Decade of Plenaries from the International Conference*. Language Learning Journal.
- 6 Chi Đô Na. (2017). *Dạy học Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực giao tiếp cho sinh viên trong bối cảnh giáo dục hiện nay*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đà Lạt.
- 7 East, M. (2017). *Research into Practice: The Task-Based Approach to Instructed Second Language Acquisition*. Language Teaching. Cambridge University Press.
- 8 Huang, I.-Y. (2021). *The Effectiveness of Role Play in Improving EFL Students' Speaking Skills*. Journal of Language Teaching and Research.
- 9 Ismail, I. M., & Abdulla, A. M. (2022). *Role Play as an Effective Technique in Enhancing EFL Learners' Communicative Competence*. International Journal of English Language Teaching.
- 10 Kaddoura, M. (2013). *Think Pair Share: A Teaching Learning Strategy to Enhance Students' Critical Thinking*. Educational Research Quarterly, 36(4), 3–24.
- 11 Livingstone, G. (1983). *Role Play in Language Learning*. London: Longman.
- 12 Long, M. H. (2016). *In Defense of Tasks and TBLT: Nonissues and Real Issues*. Annual Review of Applied Linguistics.
- 13 Lyman, F. (1981). *The Responsive Classroom Discussion: The Inclusion of All Students*. In A. Anderson (Ed.), *Mainstreaming Digest*. College Park: University of Maryland Press.
- 14 Nguyễn Thị Hồng Nam, & Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2020). *Vận dụng kỹ thuật Think – Pair – Share trong dạy học Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực giao tiếp*. Tạp chí Giáo dục.
- 15 Nguyễn Tri Minh, & Đào Xuân Phương Trang. (2021). *Vận dụng dạy học theo nhiệm vụ trong giảng dạy Tiếng Anh nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho người học*. International Journal of Language Teaching Studies.
- 16 Wang, X. (2024). *Collaborative Learning and Student Engagement in EFL Classrooms*. SAGE Open, 14(1).
17. Zheng, Y., & Zhou, Y. (2023). *Effects of Cooperative Learning on English Language Learning and Student Engagement*. International Journal of Environmental Research and Public Health, 20(1), 611.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Phiếu khảo sát mức độ hứng thú và tự tin học tập môn Tiếng Anh

Họ và tên học sinh: Lớp: CNOT 24

Đánh dấu X vào ô phù hợp với bản thân em.

STT	Tiêu chí	Có	Không
1	Tham gia phát biểu thường xuyên		
2	Tự tin khi thực hiện hỏi-đáp trước lớp		
3	Thể hiện hứng thú rõ với môn học		
4	Chủ động hợp tác khi làm việc nhóm		
5	Đạt điểm từ 5 trở lên		

Phụ lục 2. Các hoạt động trong bài 3 – 7 áp dụng các thủ thuật

Bài 3: *Places*

1. Think – Pair – Share

Giáo viên cho học sinh quan sát tranh về các địa điểm như park, supermarket, school, hospital và đặt câu hỏi: “*Which place do you often go to?*”

Học sinh suy nghĩ cá nhân, trao đổi theo cặp rồi chia sẻ trước lớp.

2. Group Work

Các nhóm nhận phiếu học tập và thảo luận đề nối địa điểm với hoạt động phù hợp, ví dụ:

buy food – supermarket; study – school.

Đại diện nhóm trình bày kết quả.

3. Role Play

Học sinh đóng vai hỏi và chỉ đường đến một địa điểm đơn giản.

Ví dụ:

A: Where is the post office?

B: It's next to the bank.

4. Trò chơi ngôn ngữ

Tổ chức trò chơi “*Guess the Place*”: học sinh mô tả đặc điểm của địa điểm, các nhóm đoán đáp án bằng Tiếng Anh.

Bài 4: *Food and Drink*

1. Think – Pair – Share

Học sinh suy nghĩ về món ăn hoặc đồ uống yêu thích, sau đó hỏi – đáp theo cặp bằng mẫu câu:

“*What is your favorite drink?*”

2. Group Work

Các nhóm xây dựng thực đơn đơn giản cho bữa sáng hoặc bữa trưa và trình bày bằng Tiếng Anh.

3. Role Play

Học sinh đóng vai khách hàng và nhân viên phục vụ gọi món tại nhà hàng.

Ví dụ:

A: I'd like some chicken and orange juice.

B: OK. Anything else?

4. Trò chơi ngôn ngữ

Tổ chức trò chơi “*Matching Food and Pictures*” để củng cố từ vựng chủ đề bài học.

Bài 5: *Special Occasions*

1. Think – Pair – Share

Giáo viên đặt câu hỏi: “*What do you usually do on your birthday?*”

Học sinh suy nghĩ cá nhân, trao đổi theo cặp rồi chia sẻ trước lớp.

2. Group Work

Các nhóm thảo luận và lập kế hoạch tổ chức một bữa tiệc sinh nhật đơn giản gồm địa điểm, thức ăn và hoạt động.

3. Role Play

Học sinh đóng vai mời bạn tham dự một dịp đặc biệt như sinh nhật hoặc lễ kỉ niệm.

Ví dụ:

A: Would you like to come to my birthday party?

B: Yes, I'd love to.

4. Trò chơi ngôn ngữ

Tổ chức trò chơi “*Lucky Numbers*” với các câu hỏi về ngày lễ và dịp đặc biệt.

Bài 6: *Vacation*

1. Think – Pair – Share

Học sinh suy nghĩ và trao đổi về địa điểm du lịch yêu thích bằng mẫu câu:

“*Where do you want to go on vacation?*”

2. Group Work

Các nhóm thảo luận để xây dựng kế hoạch cho một chuyến du lịch ngắn gồm địa điểm, phương tiện và hoạt động tham quan.

3. Role Play

Học sinh đóng vai hỏi thông tin và đặt vé du lịch đơn giản.

Ví dụ:

A: I'd like two bus tickets to Ha Long.

B: Here you are.

4. Trò chơi ngôn ngữ

Tổ chức trò chơi “*Guess the Place*” thông qua tranh ảnh về các địa điểm du lịch.

Bài 7: *Activities*

1. Think – Pair – Share

Giáo viên yêu cầu học sinh suy nghĩ về hoạt động yêu thích cuối tuần và trao đổi theo cặp.

2. Group Work

Các nhóm lập danh sách các hoạt động ngoài trời và trong nhà, sau đó trình bày trước lớp.

3. Role Play

Học sinh đóng vai rủ bạn tham gia một hoạt động cuối tuần.

Ví dụ:

A: Would you like to play football this afternoon?

B: Sorry, I can't.

4. Trò chơi ngôn ngữ

Tổ chức trò chơi “*Charades*”: học sinh diễn tả hành động, các nhóm đoán tên hoạt động bằng Tiếng Anh.

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN TÁC GIẢ



Chu Thị Thuyên